

## Mục lục

### Table of Contents

<b>Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long</b>	<b>1</b>
<i>Factors affecting to farmer's decision making to participate to the agricultural insurance programs on rice crops in Vietnam's Mekong Delta</i>	
<b>Phan Đình Khôi, Khuu Thị Phương Đông, Đặng Duy Khoa, Nguyễn Thị Ngọc Hoa</b>	
<b>Vai trò trách nhiệm xã hội, định hướng khách hàng và sự trung thành của khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng tại tỉnh Tiền Giang</b>	<b>14</b>
<i>The role of corporate social responsibility, customer orientation and customer loyalty in banking sector in Tien Giang province</i>	
<b>Võ Kim Nhuận, Nguyễn Thị Ngọc Phương</b>	
<b>Đánh giá nhận thức của đồng bào Raglay về vai trò công trình hồ thủy lợi Sông Sắt trong hoạt động sản xuất nông nghiệp tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận</b>	<b>30</b>
<i>Assessing the awareness of Raglay people on the role of Song Sat irrigation system for agricultural production in Bac Ai district, Ninh Thuan province</i>	
<b>Phạm Trung Hậu, Trương Thị Thanh Vân, Nguyễn Hữu Lộc, Đặng Tường Anh Thư, Nguyễn Thị Trà, Trần Hoài Nam</b>	
<b>Nguồn gốc và ý nghĩa của các khái niệm chỉ lúa ngô, ngô, bắp, bẹ... của các tộc người Việt Nam</b>	<b>40</b>
<i>Origin and meaning of the various concepts of maize of Vietnam's ethnic groups</i>	
<b>Lý Tùng Hiếu</b>	
<b>Về công trình Văn học Việt Nam hiện đại (1945-1960) của Giáo sư Nhà giáo Nhân dân Hoàng Như Mai</b>	<b>49</b>
<i>On "Contemporary Vietnamese Literature (1945-1960)" works by Professor Hoang Nhu Mai</i>	
<b>Nguyễn A Say</b>	
<b>Tiểu thuyết Miền hoang tưởng của Nguyễn Xuân Khánh nhìn từ lý thuyết trò chơi</b>	<b>58</b>
<i>"Mien hoang tuong" novel by Nguyen Xuan Khanh throught the lens of game theory</i>	
<b>Hoàng Thị Hồng An, Phạm Thị Thu Thủy, Bùi Thị Bích Tiệp</b>	

**Nhân vật nhà sư hoàn tục trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* và *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh 67**

*The character of the monk who returned the secular life in novel “Ho Quy Ly” and “Doi gao len chua” by Nguyen Xuan Khanh*

**Trần Văn Hải**

**Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết *Hoa Trân của dòng họ* của Nguyễn Thị Diệp Mai 79**

*Artistic conception about human in the novel “Hoa Tran cua dong ho” by Nguyen Thi Diep Mai*

**Bùi Ngọc Luyến**

**Tinh thần sinh thái trong tiểu thuyết *Con đập ngăn Thái Bình Dương* của Marguerite Duras và *Biên sử nước* của Nguyễn Ngọc Tư 93**

*The ecological spirit in Marguerite Duras’ The sea wall and Nguyen Ngoc Tu’s Bien su nuoc*

**Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Lâm Hồng Thắm**

**Cơ sở hình thành biểu tượng tu viện Thélème trong *Gargantua* và *Pantagruel* của Francois Rabelais 109**

*The basis for formation the Abbey Thelema symbol in “Gargantua” and “Pantagruel” by François Rabelais*

**Lê Hữu Nhật Duy, Huỳnh Thị Mai Trinh**

**Tiểu thuyết *Những người đàn bà tắm* của Thiết Ngưng từ góc nhìn phê bình nữ quyền 120**

*Approaching the novel “The bathing women” of Tie Ning from the perspective of feminist criticism*

**Nguyễn Thị Thu Giang**

**Kiến trúc Phật giáo Borobudur và những sáng tạo mới 134**

*Borobudur Buddhist architecture and new creation*

**Trần Thị Huệ**

## Kiến trúc Phật giáo Borobudur và những sáng tạo mới

Trần Thị Huệ

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Email: [tthue@ntt.edu.vn](mailto:tthue@ntt.edu.vn)

Ngày nhận bài: 07/10/2021; Ngày sửa bài: 10/12/2021; Ngày duyệt đăng: 22/12/2021

### Tóm tắt

*Indonesia - đất nước vạn đảo nổi tiếng với những công trình Phật giáo kỳ vĩ, trác tuyệt và huyền bí bậc nhất trên thế giới. Được ví như đóa sen khổng lồ nổi trên mặt hồ, ngôi đền được đặt tên "Borobudur" chính là biểu tượng thiêng liêng nhất của nơi đây. Borobudur trưởng thành cùng với những thịnh suy của Indonesia trong suốt chiều dài lịch sử của quốc gia này xây dựng và kiến thiết đất nước. Do đó, dưới tư cách là công trình kiến trúc Phật giáo, Borobudur trước hết mang giá trị tâm linh sâu sắc, sau nữa là giá trị văn hóa và giá trị lịch sử đi cùng thời gian. Với những ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ, Borobudur tập hợp những yếu tố Stupa và Mandala thể hiện cho luân hồi, vũ trụ và tam giới. Hơn nữa, chất liệu và những bức phù điêu của Borobudur còn cho thấy sự tinh xảo về nghệ thuật điêu khắc và hội họa của cả Indonesia và Ấn Độ.*

**Từ khóa:** Borobudur, kiến trúc Phật giáo, Mandala, nghệ thuật điêu khắc, Stupa

### Borobudur Buddhist architecture and new creation

#### Abstract

*Indonesia, a wondrous island country famous for a great multitude of world-renowned mystic and magnificent Buddhist temples. The temple of Borobudur is one of such grand creations. Always seen like a giant lotus flower resting on a serene pond, the temple is often considered the most sacred symbol of the place. Throughout history, Borobudur had witnessed many ups and downs of Indonesia during its grand journey of nation building. Therefore, as a symbolic Buddhist site, Borobudur holds deep spiritual values, as well as many historical and cultural values which had withstood the test of time. Influenced by Indian Buddhism, the temple of Borobudur expresses Stupa and Mandala architectures which stands for the cycle of rebirth, the universe and the three realms. In addition, the materials and relief sculptures of Borobudur shows us the elegance of both Indonesian and Indian arts and sculpture.*

**Keywords:** arts sculpture, Borobudur, Buddhism architect, Mandala, Stupa

#### Mở đầu

Phật giáo ra đời ở Ấn Độ, là một trong những tôn giáo lớn trên thế giới với hàng trăm triệu tín đồ khắp nơi. Các công trình kiến trúc trác tuyệt và trứ danh của nghệ

thuật Phật giáo vừa là minh chứng cho sự tồn tại vĩnh cửu của Đức Phật, cho bức tranh Phật giáo linh thiêng, vừa là dấu vết quá trình hình thành lịch sử - văn hóa của mỗi một quốc gia dân tộc. Khi còn tại thế, Đức

Phật truyền bá lý tưởng của mình rằng: *“Trước đây và ngày nay, ta chỉ lý giải và nêu ra chân lý về nỗi đau khổ và sự giải thoát về nỗi đau khổ. Cũng như nước đại dương chỉ có một vị mặn, học thuyết của ta chỉ có một vị là giải thoát”*. Vậy, trần trụi lớn nhất của Ngài chính là tìm ra con đường giải thoát mọi khổ đau ở trần tục cho con người. Đi đâu để kiếm tìm cho mình sự giải thoát, làm gì để xóa bỏ vô minh, trở thành người có giá trị?

Nếu như Ấn Độ có chùa hang Ajanta, Nhật Bản có chùa Todaiji, Hàn Quốc có Haeinsa, Campuchia có Angkor Wat, thì khi nhắc đến Indonesia - quốc gia Đông Nam Á hải đảo thì đó là đền Borobudur - một công trình Phật giáo lớn nhất thế giới. Borobudur được ví như một đóa sen rực rỡ nổi giữa lòng hồ, dù đã trải qua bao nhiêu thăng trầm của thời gian, biến cố của lịch sử, sự nghiệt ngã của thiên nhiên, Borobudur vẫn cứ là Borobudur, vẫn tôn nghiêm và uy nghi trên đỉnh đồi, vẫn trầm mặc nhưng đầy bao dung. Bất cứ ai đến rồi đều không thể kìm lòng trước vẻ đẹp tĩnh mịch của ngôi đền này, người Indonesia coi đây là nơi tìm về bình yên, đến đây không chỉ để bày tỏ lòng tôn kính với Đức Phật, mà còn là con đường giúp họ đi đến giác ngộ, tìm lại chân tâm và giá trị sống. Borobudur được xây dựng từ triều đại Shailendra - thời kỳ Phật giáo từ Ấn Độ du nhập vào bán đảo Java và phát triển rực rỡ nhất, nên ngôi đền cũng cho thấy sự ảnh hưởng của phong cách Gupta, phản ánh ảnh hưởng của văn hóa Ấn độ trong khu vực, nhưng Borobudur vẫn mang những nét đặc sắc riêng biệt của Indonesia. Chính vì vậy, bài báo nhằm tìm hiểu những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với ngôi đền và những sáng tạo mới mang đậm bản sắc Indonesia như thế nào.

## 1. Khái quát về đền Borobudur

### 1.1. Giới thiệu

Borobudur được thế giới công nhận là một trong những kỳ quan Phật giáo lớn nhất của nền văn minh nhân loại, ngôi đền nằm ở Magelang thuộc miền Trung Java, trên đỉnh đồi, giữa vùng đồng bằng phì nhiêu, xung quanh được bao bọc bởi núi rừng hùng vĩ. Borobudur tọa lạc trên mặt bằng hình vuông rộng 2500m<sup>2</sup>, dưới cùng là sáu hồi lang hình vuông, ba hồi lang tiếp theo có hình tròn và trên cùng là một Stupa lớn nhất. Chiều cao hiện nay của ngôi đền là 31,5 mét, nếu tính cả phần đỉnh của Stupa chính đã phục chế hoàn chỉnh thì tổng chiều cao là 42 mét, và mặt nền dài 123 mét. Từ “Borobudur” vốn có nguồn gốc từ tiếng Sanskrit là “Vihara”, có nghĩa là “Nơi tôn nghiêm” và được phát âm trong tiếng Java là “Biara” hoặc “Boro”; “Bidur” hoặc “Budur” có nghĩa là “Ở trên đỉnh đồi”. Đối với người Indonesia, “Borobudur” có ý nghĩa thuần túy là “Ngôi đền trên đỉnh đồi”. Borobudur được xây dựng dưới thời kỳ hưng thịnh của triều đại Shailendra, cũng là thời điểm vàng son của lịch sử đất nước Indonesia.

Đối với những Phật tử hay những người hiểu biết về Phật giáo, Borobudur là cuốn kinh triết lý về sự giải thoát, các bức phù điêu tạo nên những câu chuyện liên hoàn về cuộc đời của Đức Thích Ca từ lúc sinh ra đến khi thành Phật. Song, xét trên bình diện nghệ thuật thì đây chính là một kiệt tác kỳ vĩ và tinh xảo về cả kiến trúc và mỹ thuật của Indonesia nói riêng và Ấn Độ nói chung.

### 1.2. Lịch sử hình thành

Xoay quanh lịch sử xây dựng của Borobudur, có rất nhiều nhận định được đưa ra, nhưng không có tài liệu nào ghi rõ ràng và chính xác về thời gian Borobudur được

xây dựng, ý kiến được chấp nhận nhiều nhất là Borobudur được xây dựng và hoàn thành vào khoảng năm 800 dưới thời Shailendra, thời gian này tương đối phù hợp với lịch sử của Indonesia và miền Trung Java. Bởi từ khoảng năm 750 đến năm 850 có rất nhiều công trình cung điện, tôn giáo được xây dựng khắp nơi từ những đồng bằng, thung lũng, con dốc hay thậm chí cả ở trên những ngọn đồi, đây được xem như là thời kỳ rực rỡ của triều đại Shailendra. Eiji Hattori cũng có chung nhận định tương tự như vậy, ông viết: *“Ở Java vào thế kỷ thứ tám, các vua chúa của vương triều Shailendra (Vua núi) thịnh vượng đã cải giáo sang Phật giáo Đại Thừa, một dòng Phật giáo ra đời vào quãng đầu Công Nguyên. Sử dụng những kỹ thuật tiên tiến nhất vốn có, các vua chúa Java đã xây dựng lên một đàn tràng bằng đá được thiết kế một cách tuyệt vời vào khoảng năm 800”* (Hattori, 1994: 9).

Tuy nhiên, chưa đầy một thế kỷ sau khi hoàn thành, công trình này dần chìm vào quá khứ và không ai đề cập đến, để phục dựng lại được như ngày nay là một quá trình lâu dài và nhiều trở ngại. Những nghiên cứu trong và ngoài nước về các giai đoạn phát hiện và trùng tu công trình, đều cho thấy sự tương đồng về các sự kiện diễn ra và cột mốc quan trọng của Borobudur. Năm 1814 chính là thời điểm quan trọng nhất khi Borobudur được tái phát hiện bởi Thomas Stamford Raffles (Toàn quyền người Anh ở Indonesia), ông đã cho người dọn dẹp lại, ngay sau đó các nhà khoa học, khảo cổ học, ... vào cuộc để nghiên cứu công trình này, sau đó Borobudur đã trải qua quá trình phục dựng và sửa chữa. Tiếp đến là vào năm 1872, ông Kinderbagen tiếp tục cho phát quang khu di tích và một đoàn khảo sát đã đến để nghiên cứu những điểm cần sửa chữa của ngôi đền, vào 1885 các nhà nghiên cứu

phát hiện ra “Chân khuất” là nền móng ban đầu bị những bức phù điêu che khuất đằng sau. Bước sang đầu thế kỷ XX, từ khoảng năm 1907 - 1911, dự án trùng tu lại Borobudur được chỉ đạo bởi Tiến sỹ Th. Van Erg - một kỹ sư quân sự Hà Lan, nhưng do Chiến tranh thế giới thứ nhất nên dự án đã bị tạm dừng và vì thiếu kinh phí nên chỉ phục hồi được một phần ngôi đền. Đến năm 1955, chính phủ Indonesia đã kêu gọi sự giúp đỡ từ quốc tế và tổ chức UNESCO nhằm tìm ra giải pháp ngăn sự hư hại của di tích, năm 1972 UNESCO phát đi lời kêu gọi bảo vệ ngôi đền ra phạm vi quốc tế. Từ năm 1975 - 1982, tiếp tục những cuộc phục chế Borobudur, công tác này đã thu hút sự tham gia của các chuyên gia đến từ khoảng 26 quốc gia trên thế giới và các nhà nghiên cứu hàng đầu nước này. Năm 1991, UNESCO ghi tên Borobudur vào danh mục di sản thế giới. Như vậy, từ khi được phát hiện vào năm 1814 và trải qua thời gian phục dựng một cách cơ bản vào năm 1982 đã ngót nghét hơn một thế kỷ rưỡi.

Borobudur được kiến thiết dưới thời kỳ Shailendra, nhưng không thể xác định nhân vật nào đã ra lệnh xây dựng từng giai đoạn. Tuy nhiên, dựa vào những cứ liệu lịch sử người ta xác định giai đoạn đầu tiên sáng kiến Borobudur bởi một Sanjaya, vào khoảng thời gian cùng với triều đại của Vishnu, khoảng năm 780. Giai đoạn thứ hai và thứ ba của việc xây dựng Borobudur và Mendut thứ hai có thể là do người kế nhiệm Indra của ông. Hai giai đoạn cuối cho thấy một sự thay đổi sâu sắc trong quan niệm, không chỉ về mặt kiến trúc mà còn về mặt giáo lý. Sự chuyển động này có thể được nhìn thấy trong những thay đổi quan trọng trong Candi Sewu có lẽ được đánh dấu bằng dòng chữ năm 792, văn bản đầu tiên được biết đến bằng tiếng Mã Lai cổ được tìm thấy

ở Java. Giai đoạn thứ tư, không có nhiều điểm chú ý, đã đánh dấu sự suy tàn của triều đại và có lẽ là công trình của Samaratunga, người có tên trên bia ký năm 824 được phát hiện tại Karangtenah.

Như vậy, thời gian gắn đúng với quá trình xây dựng Borobudur có thể được ấn định như sau<sup>2</sup>: Khoảng năm 780: Đặt nền móng của tượng đài đầu tiên và thời kỳ xây dựng đầu tiên. Khoảng năm 792: Giai đoạn xây dựng thứ hai và thứ ba, và việc tái thiết hoàn chỉnh di tích. Khoảng năm 824: Giai đoạn thứ tư. Khoảng năm 833: Giai đoạn thứ năm.

## 2. Ảnh hưởng kiến trúc Ấn Độ

### 2.1. Mandala

Thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên là cả một thời kỳ chuyển tiếp và định hình văn hóa quan trọng đối với toàn bộ khu vực Đông Nam Á nói chung và Indonesia nói riêng. Trong khoảng thời gian này, văn hóa Đông Nam Á chịu nhiều ảnh hưởng sâu sắc văn hóa của Ấn Độ như nghệ thuật tạo hình ở các công trình tôn giáo. Do đó, không có một công trình kiến trúc nào mà lại không mang hơi thở của văn hóa Ấn Độ, không một công trình nào lại không dùng để thờ một vị thần Ấn Độ nào đó. Phật giáo đã sớm manh nha vào Indonesia, và nhân vật mang tầm ảnh hưởng nhất trong việc đưa Phật giáo đến gần hơn với thế giới chính là vua Asoka (thế kỷ III trước Công nguyên). Để rồi sau đó hàng loạt các công trình kiến trúc, những mô típ điêu khắc, phù điêu, mỹ thuật, nghệ thuật tạo hình, ... đều có nguồn gốc từ Ấn Độ. Asoka là một tín đồ sùng đạo, ông khuyến khích sự phát triển chung của các tôn giáo và các nền văn hóa, ủng hộ tuyệt

đối sự tự do tín ngưỡng của dân chúng, chính sự vĩ đại này khiến Asoka trở thành một trong những bậc đế vương lẫy lừng nhất thế giới. Vào thời kỳ trị vì của mình, Asoka đóng vai trò to lớn đối với công cuộc truyền bá Phật giáo, sau lần tập kết kinh điển lần thứ ba diễn ra tại Pataliputra do ông bảo trợ, chín phái đoàn truyền giáo đã lần lượt được cử đến chín vùng đất khác nhau cả trong và ngoài Ấn Độ với hai mục đích chính là giao thương và truyền đạo. Chín phái đoàn này di chuyển theo hai con đường là đường bộ phương Bắc và đường biển phương Nam. Bằng đường biển, Phật giáo truyền đến các quốc gia Đông Nam Á bấy giờ như Indonesia, Malaysia, Phù Nam, Chân Lạp, Thái Lan, Lào, Miến Điện, và Việt Nam. Nền tảng của văn hóa Ấn Độ tiếp tục được tiếp nhận và thẩm thấu ở đất nước vạn đảo, người dân Indonesia không sao chép một cách vụng về hoặc trung thành với khuôn mẫu Ấn Độ, mà có chọn lọc để giữ gìn bản sắc vốn có của dân tộc mình tạo nên tầm thâm văn hóa hết sức đa dạng. Trong đó, Borobudur được ấn định như là biểu tượng cho linh hồn của Phật giáo, vì những ảnh hưởng của Phật giáo bao trùm lên công trình kỳ vĩ này dường như luôn mang lại nhận thức về sự giác ngộ cho những ai được tận mắt chứng kiến, không một kiến trúc nào mang tầm tương xứng. Những ảnh hưởng đậm nét nhất ở Borobudur đó chính là kiến trúc Mandala và Stupa. Vì vậy, ở phần này tập trung trình bày về hai dạng kiến trúc này ở Borobudur.

Mandala là một hình vẽ biểu thị vũ trụ trong cái nhìn của một bậc giác ngộ. Trong tiếng Sanskrit, Mandala có nghĩa là

<sup>2</sup> Jacques Dumarcay (1978). *Borobudur*. (Edited and translated by Michael Smithies). Singapore: Oxford University Press.

một trung tâm (la) đã được tách riêng ra hay được trang điểm (mand). Có thể coi Mandala là một hình vũ trụ thu nhỏ. “Mandala” dịch nghĩa theo chữ Hán là “luân viên cụ túc” (輪圓具足), nghĩa là vòng tròn đầy đủ. Theo ý nghĩa thực tiễn thì Mandala là đàn tràng để hành giả bày các lễ vật hay pháp khí cho nghi thức hành lễ, cầu nguyện, tu luyện, ... Các tín đồ Ấn giáo sử dụng Mandala như một pháp khí hình thiêng, còn đối với các tín đồ Kim Cương thừa thì Mandala là một mô hình về vũ trụ hoàn hảo, trong đó có một hay nhiều vị thần ngự trị. Trong Mật tông, Mandala có nguồn gốc từ “Manda” có nghĩa là “tinh túy” và hậu tố “la” sau này được thêm vào đúng nghĩa là “chứa đựng”. Từ đó Mandala được giải thích rõ ràng là “chứa đựng tinh túy”. Hình ảnh Mandala biểu trưng cho Thân và Tâm của Đức Phật. Trong Mật tông, nguyên lý về Mandala là sự hiện diện của Đức Phật trong mình nhưng không nhất thiết có sự hiện diện của những hóa thân. Những hóa thân có thể được biểu trưng là một bánh xe, cây cối hoặc một đồ trang sức hay bất kỳ hiện thân mang tính tượng trưng khác. Mandala dần trở thành một tổ hợp có kiến trúc hài hòa, với một nhân - trung tâm và sau đó tỏa đều ra các hướng đều có thể sinh ra năng lượng. Và, Borobudur là ví dụ đơn giản và sống động nhất của dạng tổ hợp này. Các bậc cổ nhân từ ngày xưa đã nhận biết điều này, và đã tận dụng nó để tạo ra các trường năng lượng mãnh liệt, bổ sung cho năng lượng tự nhiên của con người, khai mở những giá trị tâm linh còn tiềm ẩn trong tàng thức của nội tâm con người, khiến họ - thông qua những thời thiền tĩnh tâm tại các trường năng lượng thiêng liêng này.

### 2.1.1. Mandala - Trung tâm và ngoại vi

Kiến trúc Mandala Phật giáo là sự thể hiện hợp nhất của vũ trụ bên ngoài với Thân

giác ngộ của Đức Phật bên trong, đồng thời cũng là cảnh giới Tịnh độ, nơi vân tập của hải hội chư Phật. Mandala từ tiếng Phạn dịch ra tiếng Tây Tạng là “Dkyilkhor”, nghĩa là “Trung tâm và ngoại vi”. Một Mandala được hiểu như là một thể tổng hợp của nhiều yếu tố khác biệt vào một sơ đồ duy nhất mà thông qua sự thiền định có thể nhận thức được bản chất của tồn tại. Do vậy, ý nghĩa ban đầu của Mandala thuần túy mang tính tôn giáo.

Trong quan niệm của Hindu giáo, sức mạnh của thần Siva thông qua sự thực hành khổ hạnh và trầm mặc (được biết đến như là “tapas”). Trong Phật học từ điển, tác giả Đoàn Trung Còn cho rằng “Mạn-đà-la” cũng được đọc là Man-trà-la, Man-đà-la, Man-đá-lá, tiếng Phạn dịch ra nhiều nghĩa: Linh-phù, đàn, đạo - tràng. Ông giải thích thêm: “Đàn hay Đạo-tràng là linh phù cỡ lớn, mà một nhà tu học hay một nhóm thầy tu tạo ra để bảo hộ chỗ tu hành của mình. Ấy là một bức họa lớn, một chỗ ngồi, hay một cuộc đất, nơi ấy nhà tu học dùng thiền - định mà thấm vào sức linh của chư Phật, chư Thánh, chư Tiên chư Thần, thường ngày làm lễ và cúng dường” (Đoàn Trung Còn, 1963: 282). Trong tiếng Sanskrit, Mandala có nghĩa là “Vòng luân xa thuần thánh” (Sacred circle) là một thuật ngữ được chấp nhận trên phạm vi quốc tế. Thực tế, trong chữ “Mandala” được ghép lại bởi “Manda” nghĩa là “bản chất” (Essence), và “La” nghĩa là “Cái chứa đựng” (Container), “Người sở hữu” (Possessor) hay là “biển chỉ đường” (Signpost). Thuật ngữ này được cho là xuất phát từ tín ngưỡng Ấn Độ cổ đại về sức mạnh vũ trụ sẽ nhập vào nhân vật ở trung tâm của không gian thiêng. Do đó, “Mandala” có ý nghĩa chung là một “Vật chứa sự cốt lõi”.

Quần thể kiến trúc Borobudur được xây

dựng theo kiểu Mandala không lò, mô phỏng hình dáng một Kim tự tháp, với bốn lối lên xuống ở các hướng Đông - Tây - Nam - Bắc, cổng chính của đền đặt ở hướng Đông. Tổng thể ngôi đền không mái che, không mái vòm, không phòng ốc, tất cả chỉ là những khối đá xếp lại kết với nhau mà không cần đến việc sử dụng chất kết dính. Sự tối giản trong xây dựng và kết cấu của ngôi đền được bù lại bằng những chi tiết điêu khắc cực kỳ công phu, phức tạp và đầy tính nghệ thuật.

### 2.1.2. Borobudur - vũ trụ thu nhỏ

Borobudur được xây nên với mục đích chính yếu đầu tiên là nơi thờ Phật, dần dần trở thành biểu tượng Phật giáo của Java và cũng là một bản sao của vũ trụ thu nhỏ, được các chuyên gia khảo cổ học phân thành ba lớp riêng biệt. Lớp thứ nhất là tầng chân đế của đền mang đồ hình vuông, lớp thứ hai gồm bốn tầng kế tiếp cũng theo đồ hình vuông, lớp thứ ba - lớp cao nhất gồm ba tầng đồ hình tròn, trên đồ hình sắp đặt 72 tượng Phật an trí trong các tháp, đồng tâm với tháp Phật không lò ở vị trí trung tâm. Ba lớp của vũ trụ thu nhỏ ấy được định danh theo tiếng bản địa là Kamadhatu, Rupadhatu và Arupadhatu. *Kamadhatu* (thế giới trần tục, ngập tràn những dục vọng thấp hèn), tượng trưng cho những hiện thực của thế giới trần tục, miêu tả lại hoạt cảnh của Karmawibangga - chính là thuyết nhân quả trong thế giới con người. *Rupadhatu* (thế giới tu hành, vẫn còn những ước muốn thấp hèn của con người, nhưng con người đã chuyển biến lên một cảnh giới cao hơn, biết khống chế những dục vọng thấp hèn) với bốn tầng hành lang gồm hơn 1.300 mảng điêu khắc các tích truyện liên hoàn về cuộc sống con người và tu sĩ. *Arupadhatu* (cảnh giới cao nhất, cũng là cõi niết bàn, nơi cư ngụ của các vị thần), được thể hiện bằng ba

vòng tròn đồng tâm, nằm trên vòng tròn là các tháp Phật, không có bất kỳ mảng điêu khắc nào ở đây, vòng tròn cũng nêu lên ý nghĩa nơi đây không có sự khởi đầu, và cũng không có kết thúc.

Borobudur vừa là một ngôi đền cúng dường cho Đức Phật, vừa là địa điểm chiêm bái của Phật tử. Cuộc chiêm bái khởi đầu từ chân đền, đi theo con đường xung quanh đền để thăng cấp lên đỉnh qua ba cấp độ vũ trụ Phật giáo là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Trong hành trình này, ngôi đền chỉ dẫn cho hành giả thông qua một hệ thống bậc thang và hồi lang trải dài với các phù điêu trang trí trên vách tường và bao lơn. Đa số các phù điêu này mô tả những sự kiện cuộc đời Đức Phật cho đến bài thuyết pháp đầu tiên của Ngài được nói đến trong kinh *Phổ diệu* (Lalitavistara), cũng như những câu chuyện kể tiền thân của Ngài trong kinh *Bản sanh* (Jataka). Tuy nhiên, phần lớn phù điêu cũng cho thấy những cảnh câu chuyện chàng hành giả Sudhara (Thiện Tài) đi theo con đường giác ngộ của Phật trong phẩm “Hành nguyện” (Gandhayuha) từ bộ kinh quan trọng là *Hoa nghiêm* (Avatamsaka Sutra). Có thể nói toàn công trình Borobudur là một “cẩm nang” đồ sộ dành cho người Phật tử thuần thành. Hình tượng của Borobudur còn có thể đọc như một lịch sử của Phật giáo.

Từ những chuyện kể về cuộc đời của Thích Ca Mâu Ni ở những tầng thấp hơn thể hiện giai đoạn lập đạo, cuộc hành hương của Sudhana biểu tượng cho những giai đoạn sau tìm thấy trong Đại thừa, và sự sắp xếp nhiều chư Phật ẩn mật trên những tầng cao thể hiện cho Phật giáo Mật tông. Hệ thống đồ tượng Phật giáo nối kết các truyền thống khác nhau (Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Tây Tạng, ...) có tầm quan trọng đối với sự phát triển của Phật giáo Mật tông,



khởi từ thế giới khổ hạnh của các nhà yoga để đi vào một truyền thống có cơ cấu và mang tính tự viện hơn. Phương vị trong Mandala với trung tâm là Nhật Quang Phật<sup>3</sup>, bao quanh là những chiếu quang<sup>4</sup> của Ngài và các *thắng giả* (Jina) ở bốn phương chính trong vòng tròn, mỗi bậc đều có bốn bồ tát thân cận. Các Ngài tạo nên một cõi thiêng thiêng của Mạn-đà-la trong vòng tròn. Còn các cõi bên ngoài thuộc sắc giới nằm trong hình vuông, nơi các lực lượng thiên thân<sup>5</sup> cư ngụ. Bốn phương chung quanh Đại Nhật Như Lai là vị trí của bốn đức Như lai, xếp theo thứ tự: Bất Động Như Lai (Aksobhya; Đông), Bảo Sinh Phật (Ratnasambhava; Nam), A Di Đà Phật (Amitabhā; Tây), Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amoghasiddhi; Bắc).

Biểu tượng Mandala được khắc họa ở Borobudur mang tính phổ quát trong ý niệm và tư tưởng Phật giáo. Nó thể hiện sự viên mãn, tính toàn thể, đa dạng, và bất biến. Do vậy, Borobudur được xem là một trong những công trình quan trọng nhất thế giới, không chỉ trên bình diện thẩm mỹ mà còn trên bình diện tư tưởng khi nó biểu tượng cho tinh thần nhân loại trong tính nhất thể và đa dạng.

## 2.2. Stupa

Stupa (tiếng Phạn và Pāli: *stūpa*, nghĩa đen là “búi tóc”) hay tháp, (từ tiếng Trung: 塔 hay 塔婆), hay phù đồ (浮屠), hay thạt (từ tiếng Lào, xuất phát từ Phạn ngữ: dhatu) theo truyền thống Phật giáo là ngôi mộ chôn giữ một phần Xá Lợi (di thể của Đức Phật) hay để tưởng niệm Đức Phật và môn đệ có thánh tích. Dấu vết kiến trúc Phật giáo cổ nhất của stupa là ở Ấn Độ vào thế kỷ IV - I trước Công nguyên, dạng bán cầu, xung

quanh có lan can, được trang trí bằng những hoạt cảnh về cuộc đời Đức Phật, trên đỉnh là hình tượng chiếc lọng. Theo nghiên cứu của Đặng Văn Thắng (2017), tương truyền trước khi viên tịch, Phật được hỏi: “*Làm thế nào để bảo tồn sự tôn kính di thể Phật? Phật gấp tư áo cà sa, úp bát đựng thức ăn lên, rồi đặt cái gậy chống lên trên cùng rồi tịch*” (Đặng Văn Thắng, 2017: 65). Trong Phật học từ điển, Đoàn Trung Còn định nghĩa rằng: “*Tháp... là những toà cao, nhiều tầng, dưới lớn trên nhỏ, để thờ xá lợi (tro tàn) của chư Phật hoặc của các nhà thành Đạo: Bồ tát, Duyên giác, La hán; hoặc để chôn di cốt của các vị thượng toạ*” (Đoàn Trung Còn, 1997: 318).

Như vậy, trong Phật giáo, Stupa là nơi tưởng niệm, được xây dựng để chứa, để thờ Xá lợi và tro hỏa táng của Đức Phật, các vị Đại đệ tử, những đạo sư và bậc thánh nhân Phật giáo. Kiến trúc này thường có hình bán cầu, bằng đất hoặc gạch hay đá. Riêng đối với Phật giáo, các Stupa thường được xây dựng rất đồ sộ, đôi khi có thể biến thành một “ngôi chùa” (tiếng Ấn là “pogodi”, các ngôn ngữ Tây phương mượn lại chữ này và gọi là pagoda hoặc pagode). Ý nghĩa cũng như kiến trúc của các Stupa theo đó cũng dần dần thay đổi với thời gian và không gian sau khi Phật giáo phát triển rộng rãi tại các nước Á châu khác. Đặc biệt tại Trung Quốc, Campuchia, Indonesia, Việt Nam, ... các kiến trúc Stupa cũng đều có sự thay đổi khác nhau.

### 2.2.1. Nguồn gốc của Stupa

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Bá Lăng (1972), thì Phù Đồ (Stupa) là danh từ chỉ những ngọn tháp Ấn Độ và những tháp hình chuông úp giống chai lọ, phân biệt với Bảo

<sup>3</sup> Vairocana Buddha.

<sup>4</sup> Chư vị bồ tát

<sup>5</sup> Deva

Tháp (Pagoda) theo phong cách của vùng Á Đông, cả hai kiểu kiến trúc này đều được lập ra để ghi dấu tích của Đức Phật, nhưng hình dạng kiến trúc khác nhau, dù Bảo Tháp có khởi nguồn và là biến thể của Phù Đồ Ấn Độ mà nên. Phù Đồ hình dung từ thời tiền sử là những nắm mồ của các tù trưởng, vua chúa có hình vòm, dần dần phát triển thành hình dạng những đài kỷ niệm và được Phật giáo sử dụng như biểu tượng trung tâm của những chốn thờ tự. Inchang Kim cho rằng: “*Chức năng đầu tiên và quan trọng nhất của Stupa là để chứa xá lợi của Đức Phật hay một số biểu tượng khác của Phật pháp, ngôi tháp (Stupa) Sanchi nguyên mẫu đặc trưng bởi phần thân có hình bán cầu với những cái lõng (Charta) trên đỉnh*” (Kim, 2005: 92). Đặng Thái Hoàng và cộng sự cũng nêu lên nhận định của mình rằng: “*Stupa là loại lăng mộ xây dựng dưới dạng một hình bán cầu lớn. Stupa nổi tiếng nhất mà ngày nay đã được trùng tu nguyên vẹn là Stupa ở Sanchi, đường kính lớn tới 32 mét, cao 12,8 mét, được đặt trên bệ tròn cao 4,3 mét, xây dựng toàn bằng gạch, bên ngoài ốp đá*” (Đặng Thái Hoàng và cộng sự, 2009: 20). Những tài liệu cổ của Trung Hoa đã chỉ ra rằng các đền và tháp Phật được xây dựng vào đầu Công nguyên. Theo *Ngụy Chí* trong *Tam Quốc Chí*, Phật giáo truyền vào Trung Quốc từ thế kỷ II trước Công nguyên, và *Hậu Hán Thư* đề cập rằng có rất nhiều đền và tháp Phật được xây dựng ở Trường An và Lạc Dương. Tháp trong những tư liệu cổ này để chỉ hai loại: Một loại tòa tháp nhiều tầng mái (Tower) không có thánh tích của Đức Phật trong đó, một loại tòa tháp (Stupa) hình bán cầu có thánh tích của Đức Phật bên trong. Với loại tháp thứ nhất, không mang chức năng của Stupa, bởi vì sự khác biệt về nghi lễ chôn cất giữa Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa và thứ hai là do sự khác biệt về

hình dạng kiến trúc giữa ngôi tháp nhiều tầng mái và Stupa hình bán cầu có nguồn gốc từ Ấn Độ. Với loại tháp thứ hai chính là Stupa được nói đến trong các nghiên cứu của nhiều nhà khoa học và *tháp* trong những tài liệu cổ có hình cầu chứa thánh tích của Đức Phật là dựa vào chứng cứ kinh sách. Trong chương Ma ha tăng kỳ luật (摩訶僧祇律) trong sách Đại Chính tạng (大正藏) viết vào năm 416 sau Công nguyên đã từng mô tả về Phật tháp như sau: “*Bu -Thap có nền hình chữ nhật, có hai tầng tròn với 4 bệ thờ và phần tháp rất tỉ mỉ*” (Kim, 2005: 95). Theo Huyền Trang ghi chép trong Đại Đường Tây Vực ký (Tiếng Trung Quốc) tập 8 rằng: “*Chư suất đồ ba cao quảng diệu sức, trung hữu Như Lai xá lợi*”, có nghĩa là những Stupa cao và rộng, trang trí đẹp đẽ, trong chứa Xá lợi của Phật. Như vậy, các nhà khoa học đều công nhận rằng kiến trúc cất giữ Xá lợi của Phật được gọi là Stupa.

Stupa nguyên thủy có dạng vòm bán cầu, sau đó được du nhập vào kiến trúc Phật giáo để thờ tự và chôn cất Xá lợi của Đức Phật sau khi Ngài nhập niết bàn. Hình thức này được cho là ảnh hưởng với hình ảnh ngọn núi linh thiêng như núi thần Meru của đạo Hindu. Trong khi đó, các kiến trúc thờ cúng của đạo Hindu có cấu trúc hình học đồng dạng, nhấn mạnh trục trung tâm để thể hiện quan điểm vạn vật tương liên. Dưới thời kỳ trị vì của mình, vua Asoka đã cho dựng 84.000 tòa Phù Đồ để ghi dấu tích của Phật Thích Ca rải rác khắp Ấn Độ, tháp đầu tiên được biết đến là các Stupa tại cụm di tích Sanchi với hình bán cầu vòm. Từ chức năng để thờ Xá lợi Phật, các Stupa dần trở thành những thánh tích thiêng liêng để Phật tử tôn thờ, tưởng nhớ đến Phật và trở thành một trong số những kiến trúc Phật giáo đầu tiên có liên quan đến việc hành lễ, có thể nói Stupa chính là ngôi chùa nguyên thủy. Cùng

với sự phát triển của Phật giáo, Stupa đã trở thành những kiến trúc Tháp độc đáo theo những vùng miền mà Phật giáo truyền bá, nó trở thành những biểu tượng của lòng tin vô bờ vào Đức Phật và những chứng tích lịch sử vô giá của kiến trúc Phật giáo. Vì vậy, khi Phật giáo du nhập vào Indonesia, các Phật tử nơi đây, cũng đã dùng cả lòng thành kính và đức tin vào Đức Phật nên mới có thể kiến tạo nên một công trình kỳ vĩ đến như vậy.

### **2.2.2. Stupa của Borobudur - nhìn dưới lăng kính vũ trụ giáo**

Các Stupa của Borobudur có hình dạng là tháp kim tự tháp. Tháp loại này mô tả núi Meru mang ảnh hưởng Ấn giáo đậm nét. Núi Meru là ngọn núi thiêng liêng điển tả Núi Trụ Thế Gian, Núi Vũ Trụ trong Ấn giáo và Phật giáo. Borobudur mô phỏng theo hình dáng núi Meru. Meru là một biểu tượng có nguồn gốc trong văn hóa Hindu, sau đó ảnh hưởng đến Phật giáo Ấn Độ. Hình ảnh núi Meru, theo sự hoằng dương của hai tôn giáo này, mà truyền nhập khắp khu vực Đông Á, có mặt trong nhiều lãnh thổ quốc gia như Myanmar, Thái Lan, Indonesia, Campuchia, Lào, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam. Các hệ thống kinh sách cũng đã có nhiều cách mô tả chi tiết khác nhau về ngọn núi huyền thoại này. Theo nhà nghiên cứu John Miksic, “*các tượng đặt trong stupa gợi ý đến hình ảnh các tu sĩ đang tu tập trong hang núi giống như các vị Phật ngự trong các động trên đỉnh núi Meru thần thiêng*”. Mặt khác, có thể coi ngọn đồi tự nhiên như là một Tu Di vũ trụ, còn đền tháp dựng trên đó là sự cụ thể hóa của các tầng trời tam giới. Đây hẳn là một điểm dị biệt - độc đáo của kiến trúc này. Cùng một thực thể kiến

trúc, những người tạo tác đã lồng vào đó các nội hàm khác nhau, các tầng khác nhau của cùng một biểu tượng tôn giáo. Họa đồ mặt bằng của đền Borobudur là một kiểu mandala vuông biểu tượng cho vũ trụ nhìn dưới diện núi Meru cõi đất thế gian. Ở Borobudur, trong các Stupa được chạm trổ nhiều ô hình kim cương trên ba thềm hình tròn, đều chứa tượng Đại Nhật Như Lai và ở hai tầng trên còn có thể thấy một phần hình tượng Phật bên trong.

“*Đại Nhật Như Lai, hiện thân của Pháp thân (Dharmakaya), biểu hiện sự bình đẳng vô vi, sự thông suốt tính Không (sunyata), và Phật tính của vạn vật. Kim Cương biểu thị như một yếu tính tồn tại của Phật thân (Kim cương bất hoại thân). Thân này cũng do năm uẩn, và năm đại cấu thành, và cũng tương ứng với năm trí. Và, nhân cách của Phật, như là một chính thể thống nhất tồn tại và nhận thức, biểu hiện thành 5 đức Như Lai tương ứng, tức Ngũ trí Như lai hay năm vị Thiên Phật*”<sup>6</sup>, như ta thấy trong hình tượng Mạn đà la Kim Cương giới của Borobudur. Ba phần của Borobudur biểu tượng ba giai đoạn chuẩn bị tâm thức hướng tới mục tiêu cuối cùng theo vũ trụ luận của Phật giáo, gồm: Dục giới (Kamadhatu) nằm ở phần bệ (phần chân); Sắc giới (Rupadhatu): năm bậc thềm hình vuông (phần thân); Vô sắc giới (Arupadhatu): ba vòng tròn trên cùng. Kết cấu của ba vòng tròn này bao gồm 72 Stupa, trong mỗi Stupa là một tượng Phật trong tư thế thiền định. Tầng thứ nhất có 32 Stupa, tầng thứ hai có 24 và tầng thứ ba có 16 Stupa. Trung tâm của tầng thứ ba là một Stupa lớn nhất với đường kính 15m, và cũng là đỉnh cao nhất của kỳ quan Borobudur. Bảo tháp này hoàn toàn trống

<sup>6</sup> Theo phân tích của thiền sư Thích Tuệ Sỹ.

không, không tượng Phật cũng không có một trang trí nào khác, sự trống không tượng trưng cho tánh Không và sự Giác ngộ, nó được xem như một sự biểu hiện của cõi Niết bàn. Điều đáng chú ý là trang trí của các tầng hình vuông hết sức phong phú và tinh xảo với hàng ngàn cảnh tượng tạc nổi trong đá, nhưng bỗng nhiên không còn thấy một điêu khắc nào nữa khi lên các tầng hình tròn, sự đơn giản hiện ra một cách lạ lùng. Đây chính là giai đoạn cao nhất, là giai đoạn chiêm bái để đạt được sự thức tỉnh hay Phật tính: “Nhìn ra tự tánh chân không của mọi hiện tượng, tượng trưng bằng một stupa lớn nhất và rộng không ở ngay trung tâm hay “đỉnh” của ngôi đền, nơi Đức Phật tối thượng trở nên vô hình - tượng trưng cho cõi niết bàn, dập tắt hiện hữu cùng sự tái sinh luân hồi (samsara). Không có những bức phù điêu nào trên ba bậc thềm hình tròn này hàm nghĩa sự tĩnh mặc vô biên, vô thủy vô chung. Các đặc điểm kiến trúc giữa ba giai đoạn này có những dị biệt ẩn dụ, chẳng hạn, hình vuông và các chi tiết trang trí trong *sắc giới* tan biến vào trong những bậc thềm hình tròn trong *vô sắc giới* thể hiện con người vướng mắc vào danh sắc và chuyển biến vào thế giới của vô sắc.

### 3. Những sáng tạo mới của Borobudur

#### 3.1. Chất liệu

Borobudur có quy mô rất lớn, được xây dựng khoảng 55.000m<sup>3</sup> đá. Các công nhân đã lấy đá andesit<sup>7</sup> từ lòng sông Kali Progo. Ngoài ra, còn có những tảng đá có nguồn gốc từ thượng nguồn sông, chúng có nhiều màu sắc, hình dạng khác nhau. Sau đó quét phủ một lớp thạch cao màu trắng bên ngoài lớp đá để tạo một vẻ bên ngoài đồng nhất.

<sup>7</sup> Đá Andesit là một loại đá magma phun trào có thành phần trung tính, với kiến trúc ẩn tinh đến ban tinh. Về tổng thể, nó là loại đá trung gian giữa bazan

Ngày nay thì lớp thạch cao đã dần mòn nên màu sắc khác nhau của từng hòn đá núi lửa khiến cho di tích trần trụi trông không bình thường. Các thợ sẽ cắt các tảng đá thành hình trước khi vận chuyển đến công trường xây dựng. Mỗi viên đá được chạm khắc chính xác và không có sử dụng vữa để kết dính. Các tảng đá sẽ được sắp xếp lại thành một hệ thống cầu kỳ, phức tạp, đặc biệt là ở nền móng. Cấu trúc này giúp ngôi đền chống lại những cơn địa chấn mà không bị sụp đổ<sup>8</sup>.

#### 3.2. Phù điêu

Borobudur là công trình kiến trúc độc đáo kết hợp nhuần nhuyễn với nghệ thuật điêu khắc được xây dựng theo cấu trúc vũ trụ. Dọc theo hành lang của ngôi đền có hơn 1.460 bức phù điêu chạm khắc. Các bức phù điêu này được các thợ điêu khắc chạm khắc trực tiếp vào cấu trúc đá của di tích cho nên không thể sắp xếp lại hoặc làm lại các tấm phù điêu nếu có sai sót. Cùng với các bức phù điêu ở chân Borobudur, ở tầng thứ nhất và dọc lan can tầng thứ hai tạo thành giáo lý cơ bản cốt lõi của Phật giáo: Mahakarmavibhanga (luật nghiệp báo), Jatakas (câu chuyện về các hóa thân trong quá khứ của Đức Phật), Lalitavistara (câu chuyện về hóa thân cuối cùng của Đức Phật) và các Avadana (câu chuyện về những vị giác ngộ khác). Có khả năng là một khi những bài học cơ bản này đã được nắm vững, những người hành hương sẽ lên các tầng cao hơn, gặp phải những lời dạy bí truyền và khó khăn hơn của Gandavyuha và Bhadracari.

Trên đỉnh các vòm cổng các lối vào các tầng khác nhau của ngôi đền là gương mặt

và dacit.

<sup>8</sup> Douglas Andrew (2014). The Borobudur Vessels. 65.

“Kalas” - vị thần hủy diệt trong truyền thuyết Java, cũng là biểu tượng được dùng phổ biến trong điêu khắc và kiến trúc truyền thống của Indonesia, có nghĩa là thời gian, nơi có thể “đi xuyên qua thời gian”. Bốn tầng kế tiếp là các dãy hành lang với các nét điêu khắc các tích truyện trong *Bản sinh kinh* (Jataka) miêu tả về tiền kiếp của Đức Phật. Trong kiến trúc Phật giáo ở Java, các điêu khắc Bản sinh kinh đầu tiên được thể hiện trên vách đá của đền Mendut (cách Borobudur khoảng 3km), đền Borobudur được xây dựng sau Mendut và thể hiện các tích truyện về Bản sinh kinh phong phú nhất trong các đền đài Phật giáo không chỉ ở Java mà cả với thế giới. Câu chuyện về sự ra đời của Đức Phật cũng thấy được trên các mảng điêu khắc ở Borobudur, với hình ảnh hoàng hậu Maya đến vườn Lumbini để đản sanh đức Phật. Các bức phù điêu được chạm khắc dọc theo hành lang các tầng còn mô tả về cuộc sống của người dân Java ở thế kỷ thứ VIII - IX như cuộc sống của nông dân, nhà sư, thương gia, quý tộc và nghệ nhân. Họ tham gia vào các hoạt động như làm đồ gốm, luyện kim, nông nghiệp, xây dựng, thương mại, biểu diễn, thờ cúng và chèo thuyền, ... Ngoài những con tàu, chúng ta còn thấy những hình ảnh đại diện về nhà cửa, đèn thờ, xe đẩy và toa xe phản ánh trình độ khoa học của Indonesia. Có thể kể đến một ví dụ tiêu biểu ấy là con tàu buồm được khắc trên vách đá Borobudur. Thời kỳ Borobudur hình thành cũng là lúc ngành hàng hải ở khu vực Java phát triển mạnh, với các đội tàu buôn giao thương trên con đường tơ lụa biển Đông qua các cảng thị lớn, trong đó có các cảng thị ở Thị Nại, Nước Mặn, Hội An của Việt Nam. Rất nhiều hiện vật gốm sứ có xuất xứ từ Việt Nam được khai quật tại các di chỉ ở Java thuộc vương triều Majapahit đã chứng minh

điều đó. Năm 2004, bản sao hoàn chỉnh của con tàu từ nét điêu khắc trên đá ở Borobudur đã được phục dựng và làm chuyến hải hành thành công từ Indonesia đến châu Phi.

Không chỉ mang dấu ấn văn hóa Ấn Độ, Borobudur cũng mang đậm bản sắc văn hóa riêng biệt của Indonesia qua các hình ảnh điêu khắc trên các tấm phù điêu dọc trên các hành lang giữa các tầng. Qua đó lưu giữ lại những sự kiện, cột mốc lịch sử quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của con người trên bán đảo Java.

### **Kết luận**

Phật giáo đã xuất hiện sớm ở Java, nhưng phải đến triều đại Shailendra mới chiếm được vị trí độc tôn, với sự nở rộ của các công trình kiến trúc tinh xảo như Mendut, Pawon, ... là minh chứng cho sự lên ngôi của Phật giáo ở Indonesia, đồng thời cho thấy sự phát triển thịnh trị của vương triều này suốt gần một thế kỷ. Trong số các kiến trúc Phật giáo ấy, Borobudur chính là một cuốn từ điển đồ sộ nhất, khoác lên mình những trang kinh bằng đá vĩ đại, mô tả khái niệm về vũ trụ theo truyền thống Kim Cương thừa của Ấn Độ trọn vẹn hơn cả. Borobudur trình bày lại toàn bộ quá trình đi đến giác ngộ trong đạo Phật, từ dục giới đến sắc giới rồi cao nhất là vô sắc giới, khi lên đến đỉnh đền, về mặt tâm linh là đã trở thành một con người khác khi còn ở dưới chân đền, con người được thức tỉnh một phần nào đó khi được chiêm bái đến bậc cuối cùng. Vì vậy, giác ngộ, giải thoát và niết bàn mang ý nghĩa cao siêu mà các bậc tiền nhân muốn gửi gắm đến hậu thế.

Những nền văn minh lớn của nhân loại đều được hình thành bên cạnh dòng sông lớn. Khi đời sống vật chất đã đủ đầy, con người bắt đầu phát huy sức sáng tạo của mình trong tư duy, phản ánh lại cuộc sống

hiện thực, truyền đạt các thông điệp, tín ngưỡng tâm linh. Những dòng tư tưởng ấy được con người thể hiện thành các tác phẩm nghệ thuật, vật thể hoặc phi vật thể, làm rung động cảm xúc, chạm đến trái tim của những người thưởng thức. Đối với tín ngưỡng tôn giáo, vốn đã đóng vai trò không nhỏ trong đời sống tinh thần con người từ những buổi sơ khai, nghệ thuật tạo hình đã được sử dụng làm chất liệu để chuyển tải thông điệp của trí tuệ và tình thương. Nghệ thuật trong Phật giáo chính là nghệ thuật mang tính biểu trưng, bởi vì Phật giáo sử dụng các biểu tượng ở mức độ lớn và phức tạp hơn các tôn giáo khác nhằm truyền tải quan niệm và giáo lý của mình, ví dụ như cây bồ đề xuất hiện sau hình tượng của Đức Phật chính là sự hiện diện của Ngài và sự chứng ngộ Phật quả. Bánh xe pháp luân là biểu tượng cho sự giác ngộ và lần giác ngộ đầu tiên của Đức Phật. Stupa và Mandala là hai biểu tượng rõ rệt nhất trong số các biểu tượng của Phật giáo ở Borobudur, cả hai đều mang những thông điệp tâm linh hết sức tinh túy, Stupa là hình ảnh ẩn dụ cho sự chiến thắng của Đức Phật và việc Phật nhập cõi niết bàn. Mandala là hình ảnh của vũ trụ thu nhỏ, đại diện cho Thân và Tâm của Đức Phật, cũng là mô phỏng cho hành trình thức tỉnh tâm linh của con người.

Từ khi xuất hiện, Phật giáo giúp con người loại bỏ khổ đau để mưu cầu hạnh phúc, khi nào khổ đau vẫn còn trong thế giới này, Phật giáo sẽ chưa bị hủy diệt. Và, nếu hiểu rằng Phật giáo là một tôn giáo giúp con người xoá bỏ vô minh để tìm lấy con đường giải thoát và sự tự do đích thực cho chính mình, thì khi ấy thế giới này vẫn còn u mê, hận thù và bạo lực, Phật giáo sẽ vẫn còn trường tồn để giúp đỡ con người. Từ ngàn năm, những pho tượng Phật của Borobudur ngời im với cây cỏ và muông thú của rừng

sâu, ngày nay vẫn ngời yên lặng cho những tín đồ của Phật giáo hay cho bất kỳ một ai muốn tìm kiếm sự an yên, muốn hít thở bầu không khí an lạc, muốn bình tâm để nhìn lại chính mình đều có thể đến và chiêm bái. Dù sao đi nữa, ở kiệt tác tâm linh này, những pho tượng vẫn cứ hiền hòa, tĩnh lặng, dập tan khổ đau, muôn phiền, khơi dậy sự tỉnh thức ở nơi nhân tình và thế thái.

### Tài liệu tham khảo

- Calleja, J. G. (2020). *Templo de Borobudur*. Truy cập từ <https://viajearquitectura.com/asia/indonesia/borobudur/>, ngày 20.11.2021.
- Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Văn Đình, Vũ Thị Ngọc Anh, Đỗ Trọng Chung, Lương Thị Hiền, Nguyễn Hồng Hương, Trương Ngọc Lân, Nguyễn Mạnh Trí (2009). *Văn hóa và kiến trúc phương Đông*. Hà Nội, Nxb Xây dựng.
- Đặng Văn Thắng (2017). Đền thần Hindu trong văn hóa Champa. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2, 65 - 78.
- Đoàn Trung Còn (1963). *Phật học từ điển*, tập một. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- Đoàn Trung Còn (1997). *Phật học từ điển*, tập hai. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- Hattori, E. (1994). Bình minh tĩnh lặng: Thư từ Borobudur. *Tạp chí Người đưa tin UNESCO*, số 557, 8-13.
- Kim, I. (2005). Nghiên cứu so sánh về Stupa, tháp và chùa. Sự hình thành phong cách và biểu tượng. Lê Thị Liên dịch. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6, 93-104.
- Nguyễn Bá Lăng (1972). *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam*. Sài Gòn, Viện Đại học Vạn Hạnh.